TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2025/DS-PT
Ngày 31/10/2025
"*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂNTỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hán Hưởng.

Ông Trần Đình Chi.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo đơn kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Hồng Đ, đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Phú Thọ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2025/QĐ-PT ngày 15/10/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tiến Q**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu S, xã V, tỉnh Phú Thọ. (Khu S, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ cũ). SĐT: 0979 908 981.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hồng Đ**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu D, xã V, tỉnh Phú Thọ. (Khu D, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ cũ). SĐT: 0972 071 037.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] *Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Q trình bày:*

Vào khoảng đầu tháng 11/2024 (ngày cụ thể ông Q không nhớ rõ), ông có cho ông Nguyễn Hồng Đ vay số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), hai bên đã tiến hành giao nhận số tiền trên tại nhà ông Q, hình thức giao: tiền mặt, ông Đ là người nhận tiền. Do có nhiều người nói về việc ông Đ hay cãi nợ nên sau đó vài ngày, đến ngày 15/11/2024 thì ông Q mới yêu cầu ông Đ phải lập Giấy biên nhận có chữ ký của hai bên để có căn cứ về việc vay nợ. Tiếp đến

ngày 21/11/2024, hai bên đã đến UBND xã C để làm thủ tục chứng thực chữ ký đối với "Giấy biên nhận vay tiền" nêu trên, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị H – cán bộ Tư pháp xã và ông Nguyễn Quốc B – Chủ tịch UBND xã C. Thời hạn vay trong Giấy biên nhận là 01 tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên hết thời hạn trên ông Đ vẫn không trả tiền, ông đã đến nhà cũng như gọi điện đòi nhiều lần nhưng ông Đ không hợp tác. Có lần ông Q đến nhà đòi tiền có gặp vợ ông Đ là bà B1 và có cho bà B1 xem giấy vay tiền. Sau đó ông Q có đến đòi một số lần nhưng ông Đ không trả, bà B1 nói đó là việc vay nợ riêng của ông Đ nên bà không trả và cũng không liên quan. Tuy nhiên từ đó đến nay phía ông Đ không liên lạc lại, cũng không chịu hợp tác để trả lại số tiền đã vay mặc dù ông Q đòi nhiều lần.

Nay ông Q đề nghị Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông Nguyễn Hồng Đ phải trả lại số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) theo Giấy vay tiền đề ngày 15/11/2024 và được chứng thực tại UBND xã C ngày 21/11/2024;

+ Yêu cầu ông Đ phải thanh toán thêm số tiền lãi chậm trả với lãi suất theo quy định của pháp luật. Thời hạn tính lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án.

[2] *Bị đơn ông Nguyễn Hồng Đ trình bày:*

Ông và ông Q có mối quan hệ bạn bè chơi thân với nhau. Vào năm 2024 (ngày cụ thể thì ông không nhớ rõ), ông Q có đến nhà và nhờ ông đến trụ sở UBND xã C để chứng thực giấy tờ phục vụ cho công việc làm bảo hiểm của ông Q. Vì là bạn thân với nhau nên ông đồng ý đi cùng. Sau khi đến UBND xã C, ông Q đã viết sẵn tờ giấy và đánh dấu (x) bảo ông Đ ký tên vào chỗ đã đánh dấu. Do tin tưởng là bạn chơi thân với nhau nên ông Đ đã ký tên mà không đọc nội dung văn bản và cũng không được đọc cho nghe lại. Ngoài ra, khi đến UBND xã ông có gặp bà H - cán bộ tư pháp xã, còn Chủ tịch UBND xã C là ông Đặng Quốc B2, ông chỉ gặp ở ngoài sân trụ sở UBND xã chứ không có ngồi làm việc với nhau.

Đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn yêu cầu ông phải trả số tiền 32.000.000đ mà ông đã vay, ông không đồng ý vì ông ông không vay tiền của phía nguyên đơn. Đối với chữ ký trong "Giấy biên nhận vay tiền" mà phía Nguyên đơn cung cấp đúng là chữ ký của ông tuy nhiên ông ký là do bị lừa dối. Khi ông Q đến nhà đòi tiền thì ông mới biết hôm đó mình đã ký vào giấy vay tiền.

[3] *Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Phú Thọ quyết định:*

Căn cứ: Điều 357, Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Q về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Hồng Đ.

Buộc ông Nguyễn Hồng Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tiến Q toàn bộ số tiền nợ đã vay là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) theo giấy vay nợ ngày 15/11/2024 và tiền lãi là 619.700đ (Sáu trăm mười chín nghìn bảy trăm đồng).

Tổng cả gốc và lãi là: 32.619.700đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm mười chín nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hồng Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.630.900đ (Một triệu sáu trăm ba mươi nghìn chín trăm đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Tiến Q số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0001936 ngày 21/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

[4] *Nội dung kháng cáo:*

Ngày 13/8/2025 bị đơn là ông Nguyễn Tiến Q kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và tuyên hủy Giấy biên nhận vay tiền ngày 15/11/2024 ký kết giữa ông Đ và ông Q.

[5] *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự đối với phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo bị đơn là ông Nguyễn Hồng Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Phú Thọ.

Về án phí: Ông Nguyễn Hồng Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

(Chi tiết bài phát biểu được lưu trong hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hồng Đ được nộp trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

2.1. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hồng Đ:

Ông Nguyễn Hồng Đ kháng cáo đề nghị hủy Giấy biên nhận vay tiền ngày 15/11/2024, cho rằng ông không vay tiền của ông Nguyễn Tiến Q mà bị lừa ký vào giấy vay do tin tưởng mối quan hệ bạn bè thân thiết. Ông Đ khai rằng ông Q nhờ ông ký vào giấy tờ để phục vụ việc làm bảo hiểm, và ông đã ký mà không đọc nội dung văn bản.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bản án sơ thẩm đã phân tích rõ ràng và có căn cứ khi xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông Q và ông Đ là có thật, được thể hiện qua Giấy biên nhận vay tiền ngày 15/11/2024 (bản gốc) do ông Q cung cấp. Giấy biên nhận này ghi rõ ông Q cho ông Đ vay 32.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn trả nợ là 01 tháng, và đã được chứng thực chữ ký tại UBND xã C ngày 21/11/2024.

Cụ thể:

Theo biên bản xác minh ngày 10/6/2025, bà Nguyễn Thị H – cán bộ tư pháp xã C – xác nhận rằng vào ngày 21/11/2024, cả ông Q và ông Đ đều có mặt tại UBND xã để chứng thực chữ ký trên Giấy biên nhận vay tiền. Trước khi chứng thực, bà H đã hỏi lại hai bên về nội dung vay nợ, và cả hai xác nhận nội dung là đúng, chữ ký là của họ. Ông Đ còn ký nháy vào mặt trước giấy biên nhận, thể hiện ông đã biết nội dung văn bản. Việc chứng thực được ghi vào sổ chứng thực số 215/2024, quyển số 01/2024-SCT/CK,ĐC, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Ông Đặng Quốc B2 – Chủ tịch UBND xã C – cũng xác nhận đã gặp và nói chuyện với ông Q và ông Đ tại trụ sở UBND xã, sau đó ký xác nhận chứng thực chữ ký. Điều này mâu thuẫn với lời khai của ông Đ rằng ông chỉ gặp ông B2 ngoài sân và không làm việc trực tiếp.

Ông Đ không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh rằng số tiền 32.000.000 đồng liên quan đến việc mua bảo hiểm nhân thọ, hoặc ông bị ông Q lừa ký giấy vay. Trong khi đó, Giấy biên nhận vay tiền không đề cập đến bảo hiểm mà rõ ràng là hợp đồng vay tiền, được ký tự nguyện bởi cả hai bên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Do đó, lời khai của ông Đ về việc bị lừa ký giấy vay tiền là không có căn cứ, không đủ để bác bỏ tính xác thực của Giấy biên nhận vay tiền. Hợp đồng vay tài sản giữa ông Q và ông Đ là hợp pháp, tự nguyện, và ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Yêu cầu hủy Giấy biên nhận vay tiền của ông Đ không được chấp nhận.

2.2. Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi chậm trả:

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Q, buộc ông Đ trả 32.000.000 đồng tiền gốc và 619.700 đồng tiền lãi chậm trả (tính từ ngày thụ lý vụ án 21/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2025 theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015). Hội đồng xét xử thấy rằng việc tính lãi suất và thời điểm tính lãi là phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của nguyên đơn, không có căn cứ để thay đổi.

[3] *Về án phí dân sự phúc thẩm:*

Do kháng cáo của ông Nguyễn Hồng Đ không được chấp nhận, ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa phúc thẩm về việc giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với các quy định của pháp luật và tình tiết vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Hồng Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Phú Thọ.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Ông Nguyễn Hồng Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân

sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001434 ngày 18/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Đình Chi	**Nguyễn Hán Hưởng**	**Nguyễn Anh Tuấn**